TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2022/DS-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Võ Phong Hiếu**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thanh Hải**;

2. Ông **Nguyễn Thành Trung**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 7/431, Khu phố X, Phường Y, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số 100/7 Bến C, Khu phố N, Phường M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Ông M có mặt; Bà T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M*:**

Vào khoảng năm 2019, ông Nguyễn Văn M gặp khó khăn về kinh tế nên có nhờ bà Nguyễn Thị T hỏi vay của người quen nhiều lần tiền tổng cộng là

30.000.000 đồng. Khi hỏi vay tiền giùm cho ông M, thì do bà T cũng gặp khó khăn nên có đứng trên danh nghĩa của ông để hỏi vay thêm nhiều lần tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng. Tuy bà T là người đứng ra hỏi vay tiền nhưng ông M là người trực tiếp ký biên nhận vay tiền với các người cho vay. Như vậy, tổng cộng ông M nợ số tiền là 60.000.000 đồng.

Hàng tháng, ông đều đưa tiền để bà T trả lãi cho khoản tiền vay 30.000.000 đồng của cá nhân ông. Còn số tiền vay 30.000.000 đồng của cá nhân bà T thì bà T tự đóng tiền lãi như thế nào thì ông không nắm rõ.

Đến khoảng năm 2020, thì bà T không đóng tiền lãi cho những người cho vay nữa nên những người này đến tìm gặp ông và đề nghị ông M phải đóng luôn phần tiền lãi của bà T, với lý do ông M là người ký tên trong giấy nợ. Đến tháng 07/2021, ông M bán đất để trả hết khoản tiền nợ 60.000.000 đồng này.

Sau khi trả nợ thay cho bà T số tiền 30.000.000 đồng thì ông đã nhiều lần yêu cầu bà T phải trả lại cho ông số tiền này nhưng bà T đóng lãi cho ông được 02 lần thì ngưng rồi hứa hẹn nhưng không thực hiện. Đến ngày 11/5/2022, sau nhiều lần trao đổi thì bà T có ký tên vào Giấy xác nhận do chính ông M ghi với nội dung bà T có nợ của ông M số tiền là 30.000.000 đồng. Cũng tại thời điểm này, ông M đồng ý cho bà T trả dần hàng tháng với số tiền là 500.000 đồng. Bà T thực hiện việc trả dần được 02 tháng với số tiền là 1.000.000 đồng thì nhưng không đóng nữa.

Ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền là 38.550.000 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và số tiền lãi là 8.550.000 đồng (tiền lãi tính từ tháng 11/2020 đến tháng 06/2022, mức lãi suất áp dụng là 1,5%/tháng).

- Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* ***Nội dung ý kiến trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị T*:**

Khoảng cuối năm 2019, ông M có nhờ bà hỏi vay tiền hộ. Lúc đó, bà cũng đang gặp khó khăn nên đồng ý với đề nghị này của ông M. Vì vậy, bà đã hỏi vay 03 lần tiền, tổng cộng với số tiền là 60.000.000 đồng, trong đó tiền ông M vay là 30.000.000 đồng và tiền mà cá nhân bà vay là 30.000.000 đồng. Khi vay, thì ông M là người đứng ra viết biên nhận vay tiền số tiền là 60.000.000 đồng. Bà là người trực tiếp nhận tiền khi vay và sau đó thì bà giao lại tiền cho ông M.

Sau khi vay, hàng tháng bà T đều trả tiền lãi, trong đó bao gồm tiền lãi của bà và tiền lãi của ông M. Đến khoảng tháng 3/2021, thì dịch Covid-19 bùng phát nên bà ngưng không đóng lãi nữa. Lúc này, việc đóng tiền lãi đối với khoản vay của Minh thì do ông M tự thực hiện với chủ nợ.

Đối với khoản tiền nợ gốc 30.000.000 đồng của cá nhân bà thì bà chưa trả được bất kỳ khoản tiền nào cho chủ nợ.

Đến ngày 11/5/2022, thì ông M đến tìm gặp bà để trao đổi về việc trả nợ. Khi đó, ông M có viết 01 Giấy xác nhận để xác định số tiền mà bà còn nợ ông M và đề nghị bà ký tên vào đó. Cũng tại thời điểm đó, ông M đồng ý cho bà T trả dần hàng

tháng với số tiền là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà thực hiện việc trả nợ được 02 tháng với số tiền là 1.000.000 đồng. Đến tháng thứ 03, khi bà đến trả tiền thì ông M nói là đã làm mất cuốn sổ nên hẹn lại ngày khác để đóng tiền nhưng sau đó ông M đã khởi kiện ra Tòa án.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông M thì bà có ý kiến như sau:

- Bà xác định còn nợ ông M số tiền là 29.000.000 đồng và bà đồng ý trả số tiền nợ này nhưng hiện nay do hoàn cảnh đang khó khăn nên bà xin được trả dần hàng tháng với số tiền là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ;

- Đối với số tiền lãi là 8.265.000 đồng (tiền lãi tính từ tháng 11/2020 đến tháng 06/2022, mức lãi suất áp dụng là 1,5%/tháng) thì bà xin được không tính lãi vì hiện bà đã gặp quá nhiều khó khăn.

* ***Kết quả phiên họp về chứng cứ và hòa giải như sau*:**

- Nội dung các bên đương sự thống nhất:

+ Không tranh chấp về tài liệu, chứng cứ mà các bên đã giao nộp và Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập;

+ Thống nhất về số tiền vay, số tiền đã trả được và số tiền vay còn nợ lại là 29.000.000 đồng;

- Nội dung các bên đương sự còn chưa thống nhất:

+ Bà T không đồng ý trả tiền lãi;

+ Về phương thức và thời gian trả tiền.

* ***Tại phiên toà*:**

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền là 29.000.000 đồng;

+ Rút lại đối với yêu cầu về việc tính lãi.

+ Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gởi văn bản trình bày ý kiến như sau:

+ Thống nhất còn nợ ông M số tiền là 29.000.000 đồng;

+ Xin được trả dần hàng tháng với số tiền là 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ là 29.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng. Toà án đi tới những nhận định về vụ án như sau.

**** Về thủ tục tố tụng*:**

[1] Quan hệ tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ vay là 29.000.000 đồng nên đây là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T cư trú tại địa bàn thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện:

Các đương sự không có yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T: Bà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung vụ án*:**

[5] Ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ vay là 29.000.000 đồng.

Xét thấy:

[5.1] Tại văn bản xác nhận đề ngày 11/5/2022, thể hiện nội dung bà T còn nợ ông Nguyễn Văn M số tiền là 30.000.000 đồng. Bà T ký tên và ghi rõ họ tên vào văn bản này.

[5.2] Tại tờ tự khai đề ngày 10/8/2022 và phiên hòa giải ngày 19/8/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T thừa nhận có nợ ông Nguyễn Văn M số tiền là 30.000.000 đồng nhưng đã trả được cho ông M số tiền là 1.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền là 29.000.000 đồng. Ông M cũng thừa nhận bà T có trả được cho ông số tiền là 1.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại số tiền là 29.000.000 đồng.

[5.3] Từ những căn cứ trên, ông M yêu cầu bà T trả số tiền vay còn nợ là 29.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 166, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông M yêu cầu bà T phải trả tiền lãi. Tại phiên tòa, ông M rút lại yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc ông M rút lại yêu cầu tính lãi đối với bà T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu tính lãi của ông M theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Bà Nguyễn Thị T đề nghị được trả dần hàng tháng với số tiền là 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ là 29.000.000 đồng:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông M không đồng ý cho bà T trả dần với lý do khoản tiền nợ này đã phát sinh quá lâu, việc ký giấy xác nhận ngày 11/5/2022 chỉ là để chốt lại số tiền còn nợ để ông có căn cứ khởi kiện ra tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bà T được trả dần.

[8] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

[9] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, sau khi xem xét đơn xin miễn án phí đề ngày 20/9/2022 của bà Nguyễn Thị T. Xét thấy, bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp là người cao tuổi nên căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền án phí.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 227, 228, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 12, 15 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc tính lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền là 29.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn M cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.450.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên được miễn nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Phong Hiếu